

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/11/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Công Minh, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 299/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/8/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 534/2019/QĐST-HN ngày 23/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Số 333/1, tổ 8, Nguyễn Tri Phương, khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Khu dân cư số 4, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Phương D trình bày: Giữa chị D với anh T do hai người quen nhau trước, cha mẹ hai bên đồng ý, anh chị kết hôn với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo giấy*

chứng nhận kết hôn số 28 ngày 28/3/2017. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và vợ chồng lên tỉnh Bình Dương làm công nhân. Đến ngày 14/7/2019 anh T có thái độ bạo lực gia đình như: Đá, đập vào người chị D, hành vi này của anh T trở lại như lúc ban đầu khi hai người mới yêu nhau, tính tình cộc cằn, thô lỗ, mẹ anh T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi, chị D với anh T hai người không còn sống chung từ đó đến nay. Tình cảm của chị D đối với anh T không còn, yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị D với anh T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 17/02/2017, hiện đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng, anh Nguyễn Văn T được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình.

*Biên bản xác minh ngày 30/9/2019 của bà Nguyễn Thị Phương T là mẹ ruột chị D cung cấp về tình trạng hôn nhân giữa chị D với anh T thể hiện:* Chị D với anh T cưới nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND phường Long Thạnh năm 2017, sau khi cưới nhau thì hai người làm công nhân ở tỉnh Bình Dương, hàng ngày D đi làm còn T không lo làm mà cứ tụ tập ăn chơi, cờ bạc và đòi tiền, D không đáp ứng được T đánh đập nên D sợ quá bỏ trốn về quê sống với bà ở phường Long Thạnh cho đến nay. Theo bà T giữa D và T sống không có hạnh phúc, Tòa án cho hai người ly hôn nhau là phù hợp.

Biên bản xác minh ngày 01/10/2019 của Công an phường Long Sơn thể hiện: Anh Nguyễn Văn T, có hộ khẩu thường trú tại tổ 17, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh T vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên, anh T không thuộc trường hợp bỏ địa phương trên sáu tháng.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh T vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 30/9/2019 lấy lời khai bà T và biên bản xác minh ngày 01/10/2019 tại Công an phường Long Sơn.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu, anh T vắng mặt,

Chị D xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh T không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị D với anh T có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tháng 7 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn là do anh T có thái độ bạo lực gia đình như: Đánh đập chị D làm cho chị D sợ hãi. Chị D với anh T đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị D với anh T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 17/02/2017, hiện đang sống với chị D. Hiện nay chị D đang nuôi dạy con chung, Cháu Đ dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ vào quyền lợi và điều kiện môi trường tốt, đề nghị giao cháu Đ cho chị D nuôi dạy.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Phương D khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Khu dân cư số 4, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Văn T vắng mặt, không lý do. Biên bản xác minh ngày 30/9/2019 của Công an phường Long Sơn thể hiện: anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú chung với ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị T tại địa chỉ tổ 17, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh T vẫn còn hộ khẩu tại địa chỉ trên, anh T không thuộc trường hợp bỏ địa phương trên 6 tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

#### *Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị D với anh T do hai người quen nhau trước, cha mẹ hai bên đồng ý, anh chị kết hôn với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Thạnh, thị

xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 28/3/2017, hôn nhân giữa chị D với anh T là hợp pháp.

Chị D khai, Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và vợ chồng lên tỉnh Bình Dương làm công nhân. Đến ngày 14/7/2019 anh T có thái độ bạo lực gia đình như: Đá, đập vào người chị D, hành vi này của anh T trở lại lúc ban đầu khi hai người mới yêu nhau, tính tình cộc cằn, thô lỗ, mẹ anh T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Chị D và anh T sống xa nhau từ đó cho đến nay.

Biên bản xác minh ngày 01/10/2019 của bà Nguyễn Thị Phương T là mẹ ruột chị D cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị D với anh T thể hiện: Chị D với anh T cưới nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND phường Long Thạnh năm 2017, sau khi cưới nhau thì hai người làm công nhân ở tỉnh Bình Dương, hàng ngày D đi làm còn T không lo làm mà cứ tụ tập ăn chơi, cờ bạc và đòi tiền, D không đáp ứng được T đánh đập nên D sợ quá bỏ trốn về quê sống với bà ở phường Long Thạnh cho đến nay. Theo bà T giữa D và T sống không có hạnh phúc, Tòa án cho hai người ly hôn nhau là phù hợp.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Anh T có hành vi bạo lực đối với chị D, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa D với chị anh T đã sống xa cách nhau từ đầu năm 2019 đến nay.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị D ly hôn đối với anh T.

[2] Về con chung: Chị D khai, trong thời kỳ hôn nhân chị D với anh T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 17/02/2017, hiện đang sống với chị D. Hiện nay chị D đang nuôi dạy con chung, chị D có yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Đ đang sống ổn định sống với chị D, hiện cháu Đ dưới 36 tháng tuổi, giao cháu Đ sống cùng với chị D sẽ đảm bảo điều kiện về mọi mặt của cháu và đúng quy định pháp luật.

Xét, giao cháu Nguyễn Tấn Đ cho chị Nguyễn Thị Phương D nuôi dạy và công nhận sự tự nguyện nuôi con của chị D mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh T về cấp dưỡng để nuôi dạy con chung. Xét, không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: D khai không có, không yêu cầu giải quyết. Xét, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng giữa hai người có tài sản hoặc nợ chung thì anh T vẫn có quyền khởi kiện chị D yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*(Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án).*

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương D.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 28/3/2017 do UBND phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Phương D với anh Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Phương D được nuôi dạy cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 17/02/2017. Công nhận sự tự nguyện nuôi con của chị D mà không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Phương D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh Nguyễn Văn T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng giữa hai người có tài sản hoặc nợ chung thì anh T vẫn có quyền khởi kiện chị Nguyễn Thị Phương D yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0002100 ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Phương D có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND phường Long Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thế Minh**